

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017 và bãi bỏ Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đối tượng có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phongkiemtravaban2012@gmail.com;
- Lưu: TH, HC. LKT. *kyu (26b)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thành Lợi



QUY ĐỊNH

Giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số 42 /2016/QĐ-UBND ngày 20 /12 /2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này định giá cụ thể thu tiền dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa thu tiền dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Các cơ quan nhà nước có chức năng quản lý giá theo quy định của pháp luật về giá.

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng trả tiền dịch vụ trông giữ xe

1. Các chủ phương tiện có nhu cầu gửi xe đạp, xe điện, xe gắn máy, xe mô tô, xe ô tô (gọi tắt là xe các loại) tại các điểm, bãi trông giữ xe do các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh dịch vụ trông giữ xe theo quy định, phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị của địa phương.

2. Tổ chức, cá nhân bị tạm giữ tang vật, phương tiện do vi phạm hành thuộc trường hợp phải trả tiền lưu kho, bến bãi, bảo quản tang vật, phương tiện trong thời gian bị tạm giữ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.

Điều 3. Giá dịch vụ trông giữ xe

1. Đối với cơ sở trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

a) Giá thu tiền dịch vụ trông giữ xe ban ngày (từ 06 giờ đến trước 18 giờ):

- Xe đạp: 1.000 đồng/lượt;

- Xe mô tô, gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện: 2.000 đồng/lượt;

- Xe ô tô dưới 12 chỗ và xe tải dưới 2,5 tấn: 10.000 đồng/lượt;

- Xe ô tô từ 12 chỗ trở lên và xe tải từ 2,5 tấn trở lên: 12.000 đồng/lượt.

b) Giá cụ thể thu tiền dịch vụ trông giữ xe ban đêm (từ 18 giờ đến trước 06 giờ sáng hôm sau):

- Xe đạp: 2.000 đồng/lượt;
- Xe mô tô, gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện: 4.000 đồng/lượt;
- Xe ô tô dưới 12 chỗ và xe tải dưới 2,5 tấn: 20.000 đồng/lượt;
- Xe ô tô từ 12 chỗ trở lên và xe tải từ 2,5 tấn trở lên: 24.000 đồng/lượt.

c) Giá thu tiền dịch vụ trông giữ xe cả ngày đêm:

- Xe đạp: 3.000 đồng/lượt;
- Xe mô tô, gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện: 6.000 đồng/lượt;
- Xe ô tô dưới 12 chỗ và xe tải dưới 2,5 tấn: 30.000 đồng/lượt;
- Xe ô tô từ 12 chỗ trở lên và xe tải từ 2,5 tấn trở lên: 35.000 đồng/lượt.

d) Giá thu tiền dịch vụ trông giữ xe tháng:

- Xe đạp: 50.000 đồng/tháng;
- Xe mô tô, gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện: 100.000 đồng/tháng;
- Xe ô tô dưới 12 chỗ và xe tải dưới 2,5 tấn: 500.000 đồng/tháng;
- Xe ô tô từ 12 chỗ trở lên và xe tải từ 2,5 tấn trở lên: 600.000 đồng/tháng.

2. Đối với cơ sở trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

a) Giá tối đa thu tiền dịch vụ trông giữ xe ban ngày (từ 06 giờ đến trước 18 giờ):

- Xe đạp: 1.000 đồng/lượt;
- Xe mô tô, gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện: 3.000 đồng/lượt;
- Xe ô tô dưới 12 chỗ và xe tải dưới 2,5 tấn: 15.000 đồng/lượt;
- Xe ô tô từ 12 chỗ trở lên và xe tải từ 2,5 tấn trở lên: 20.000 đồng/lượt.

b) Giá tối đa thu tiền dịch vụ trông giữ xe ban đêm (từ 18 giờ đến trước 06 giờ sáng hôm sau):

- Xe đạp: 2.000 đồng/lượt;
- Xe mô tô, gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện: 6.000 đồng/lượt;
- Xe ô tô dưới 12 chỗ và xe tải dưới 2,5 tấn: 30.000 đồng/lượt;
- Xe ô tô từ 12 chỗ trở lên và xe tải từ 2,5 tấn trở lên: 40.000 đồng/lượt.

c) Giá tối đa thu tiền dịch vụ trông giữ xe cả ngày đêm:

- Xe đạp: 5.000 đồng/lượt;
- Xe mô tô, gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện: 10.000 đồng/lượt;
- Xe ô tô dưới 12 chỗ và xe tải dưới 2,5 tấn: 50.000 đồng/lượt;

- Xe ô tô từ 12 chỗ trở lên và xe tải từ 2,5 tấn trở lên: 60.000 đồng/lượt.

d) Giá tối đa thu tiền dịch vụ trông giữ xe tháng:

- Xe đạp: 50.000 đồng/tháng;

- Xe mô tô, gắn máy, xe máy điện, xe đạp điện: 150.000 đồng/tháng;

- Xe ô tô dưới 12 chỗ và xe tải dưới 2,5 tấn: 600.000 đồng/tháng;

- Xe ô tô từ 12 chỗ trở lên và xe tải từ 2,5 tấn trở lên: 800.000 đồng/tháng.

Điều 4. Điều chỉnh giá thu tiền dịch vụ trông giữ xe

Khi chỉ số giá tiêu dùng bình quân biến động tăng hoặc giảm 20% (theo số liệu của Cục Thống kê), Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá điều chỉnh cho phù hợp với chỉ số giá tiêu dùng hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ trông giữ xe có trách nhiệm lập và giao hóa đơn (vé giữ xe) cho đối tượng trả tiền dịch vụ theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; thực hiện niêm yết công khai giá dịch vụ của từng loại xe tại địa điểm thu tiền, ở vị trí thuận tiện để các đối tượng trả tiền dịch vụ dễ nhận thấy và thu đúng mức thu tiền dịch vụ đã được niêm yết; thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này; đồng thời phối hợp với các ngành chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức kiểm tra việc chấp hành và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định.

3. Cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh dịch vụ trông giữ xe có trách nhiệm hướng dẫn kê khai thuế và sử dụng hóa đơn kinh doanh dịch vụ trông giữ xe theo đúng chế độ quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thành Lợi.